

NGƯỜI CÔNG GIÁO VIỆT NAM TRONG NHỮNG THÁNG ĐẦU SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

NGUYỄN QUANG HUNG^(*)

Lời dẫn: Lập trường của người Công giáo Việt Nam đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc trước 1975, vì nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, quốc tế và trong nước, đã trải qua những bước thăng trầm. Nguyệt san "Công giáo và Dân tộc" số 57, tháng 9 năm 1999 có đăng bài của Hương Khê "Người Việt Nam Công giáo với Cách mạng mùa thu năm 1945", trong đó đưa nhiều dẫn chứng làm nổi bật sự ủng hộ của người Công giáo Việt Nam đối với cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945. Chúng tôi nhất trí với nhiều quan điểm của Hương Khê trong bài báo trên và xin bổ sung một số chi tiết làm sáng tỏ thêm vấn đề. (N.Q.H)

Mặt Bản tuyên bố chính thức đầu hàng Đồng Minh ngày 15 tháng 8 năm 1945, chấm dứt chiến tranh thế giới thứ hai. Hai ngày trước đó, Việt Minh đã kêu gọi Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc. Cùng với Việt Minh, người Công giáo đóng vai trò tích cực trong việc giành chính quyền từ tay Nhật và chính phủ Trần Trọng Kim ở những vùng Công giáo. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên Ngôn Độc Lập, mở đầu bằng câu: "Mọi người sinh ra đều bình đẳng. Tạo hoá ban cho họ những quyền bất khả xâm phạm, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Những câu bất hủ đó được lấy trong Tuyên ngôn Độc lập của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ năm 1776". Ngày này cũng là ngày Lễ thánh tử đạo Việt Nam. Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà được thành lập. Lần đầu tiên sau tám mươi năm thuộc

địa, người Việt Nam thực sự trở thành công dân của một nước độc lập và tự do.

Trong khi các thừa sai Pháp mong muốn Pháp quay trở lại Đông Dương, tiếp tục duy trì chế độ thuộc địa thì những người Công giáo Việt Nam thực sự vui mừng trước sự kiện nước nhà độc lập. "Hàng giáo sĩ Annam bỏ rơi các thừa sai Pháp - đại diện của Mặt thám Pháp Bazin viết trong thư đề ngày 9 tháng 8 năm 1945 - bởi vì chỉ có các thừa sai Pháp mới được đứng đầu các giáo xứ lớn; các giáo xứ này chỉ được giao cho các linh mục bản xứ khi họ đã có một tuổi tác khá cao; đã có những ganh tị giữa các thừa sai Pháp và các linh mục Annam, và khi được báo cáo về những tranh chấp đó, giám mục không ngần ngại thuyên

*. ThS, Khoa Triết học, Trường đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội.

chuyển các linh mục Annam"⁽¹⁾. Ngày 23-8-1945, báo chí ở Sài Gòn cho công bố Bản tuyên bố của người Công giáo ở Nam Bộ do linh mục Phạm Bá Luật soạn thảo:

"Xét rằng người Pháp đã xâm chiếm đất nước Việt Nam chúng ta và đã áp bức nhân dân Việt Nam trong 80 năm

"Xét rằng người Pháp thờ Chúa mà không sống yêu thương và công bằng như Chúa dạy mà đã tham lam đến độ không ngần ngại đàn áp nhân dân Việt Nam

"Xét rằng: là con dân Việt Nam, chúng ta phải đem cả con tim và trí tuệ bảo vệ sự sống còn của dân tộc chúng ta, phục vụ quê hương chúng ta và củng cố nền độc lập của chúng ta

"Xét rằng người Công giáo chúng ta và tín đồ của các tôn giáo khác đều là anh em đồng bào và phải đoàn kết với nhau để phục vụ Tổ quốc.

"Xét rằng bị đồng bào nghi ngờ oan ức là chúng ta đã hướng dẫn Pháp tới xâm chiếm nước ta, trong thực tế chúng ta bị người Pháp áp bức...

"Vì tất cả những gì đã nói ở trên, chúng tôi người Công giáo Việt Nam quyết định son sắt gia nhập Mặt Trận Quốc gia Thống nhất"⁽²⁾.

Bất chấp sự ngăn giữ của bề trên và Đức Giám mục Hà Nội, cha Chaize (Thịnh) người Pháp, khoảng hai trăm chủng sinh ở chủng viện Xuân Bích (Hà Nội) tham gia vào cuộc biểu tình tuần hành ngày 2-9-1945. "Buổi sáng hôm có cuộc biểu tình, các chủng sinh chia làm hai nhóm: phần lớn những người trẻ "triết học" (vì hai năm đầu ở chủng viện chủ yếu dạy triết học) đi biểu tình; những người lớn "thần học" không đi. Nhưng trong thâm tâm của những người không

đi có cảm nghĩ rằng cấm họ đi là không đúng. Thực tế là lúc đó có một sự chia rẽ giữa chủng sinh và các giáo sư (người Pháp). Điều không hay là họ đã không vâng lời bề trên. Sau đó, người ta có cảm tưởng là các chủng sinh không tín nhiệm các giáo sư (người Pháp). Những người trẻ định bỏ chủng viện ra đi và đập phá tất cả; những người lớn tuổi can ngăn họ và đã ra về một cách yên lành tháng 9-1945"⁽³⁾. Do việc phản kháng chống lại bề trên, khoảng bốn chục chủng sinh sau đó đã bị đuổi học. Trong số đó có Trần Tử Bình, người mà sau này trở thành một cán bộ cao cấp của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ngày 23-9, có tới bốn chục nghìn giáo dân, trong đó có nhiều linh mục, tham gia vào cuộc diễu hành ở Hà Nội chào mừng nền độc lập của đất nước. Họ đi diễu qua các phố và giương các biểu ngữ ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh. Ngày 8-10 một cuộc diễu hành của khoảng

1. Tài liệu mật thám Pháp tại Trung tâm lưu trữ hải ngoại ở Aix-en-Provence (CAOM) Indo. 10 H 4179, tr. 9. Trích theo: Trần Thị Liên. *Les Catholiques Vietnamiens pendant la guerre d'indépendance (1945-1954) entre la reconquete coloniale et la résistance communisme*, Paris, 1996, tr. 49 và Hương Khê. *Người Việt Nam Công giáo và cách mạng mùa thu năm 1945*, trong *Công giáo và dân tộc*, số 57, tháng 9-1999, tr. 9.

2. *Mặt trận quốc gia thống nhất* được thành lập ngày 14-8-1945 ở Sài Gòn, do Hồ Văn Nga làm chủ tịch bao gồm các tổ chức chính trị và tôn giáo ở Nam Kỳ như Đảng Độc lập Quốc gia, Cao Đài, Hoà Hảo, Phục Quốc, những người theo Trotsky, v.v... Cả nhiều sĩ quan Nhật cũng tham dự lễ thành lập tổ chức này. Mặt trận Quốc gia Thống nhất có khuynh hướng chống lại việc Pháp tái chiếm Đông Dương, nhưng không thuộc Việt Minh. Xem: David G. Marr. *Vietnam 1945. The Question for Power*, (Berkeley/Los Angeles, 1995). Cũng xin xem: Trần Thị Liên. Tài liệu đã dẫn, tr. 56 và Hương Khê. Tài liệu đã dẫn, tr. 11.

3. Trích theo Trần Thị Liên. Tài liệu đã dẫn, tr. 20 và Hương Khê. Tài liệu đã dẫn, tr. 9-10

ba mươi nghìn người ở giáo phận Vinh đã diễn ra. Ngày 10-10 diễn ra cuộc diễu hành của khoảng hai mươi nghìn giáo dân Thái Bình. Họ nêu khẩu hiệu "Hãy trả Giáo hội Việt Nam cho người Việt Nam".

Trong lúc các Giám mục người Châu Âu tỏ ra lãnh đạm với những sự kiện quan trọng trên⁽⁴⁾, Giám mục Nguyễn Bá Tông nhân danh bốn giám mục Việt Nam (Nguyễn Bá Tông, Hồ Ngọc Cẩn, Ngô Đình Thục và Lê Hữu Từ) thảo một Bức thư chung ngày 23-9-1945 gửi Giáo hoàng Pio XII, trong đó có đoạn: "Nhân dân Việt Nam yêu quý của chúng con muốn nhờ trung gian bốn vị giám mục của họ, dâng lên Đức Thánh Cha lòng tôn kính sâu xa và xin Đức Thánh Cha ban phúc lành, tỏ lòng rộng lượng và cầu nguyện cho nền độc lập mà nhân dân chúng con mới giành lại được và quyết tâm bảo vệ bằng mọi giá"⁽⁵⁾... Tiếp sau đó, Giám mục Nguyễn Bá Tông thay mặt các giám mục Việt Nam gửi một Bức thư chung tới Giáo hội các nước Anh, Mỹ với những lời kêu gọi tương tự⁽⁶⁾.

Sự vui mừng của nhân dân Việt Nam đối với nền độc lập của đất nước không được lâu. Ngày 23 - 9 -1945 quân Pháp cùng quân Anh - Ấn tiến vào Sài Gòn với danh nghĩa giải giáp vũ khí của quân đội Nhật. Nạn đói năm Ất Dậu 1945 làm hàng triệu dân Bắc Kỳ chết. Người Công giáo Việt Nam, trong đó có Giám mục Đại diện Tông toà Bùi Chu Hồ Ngọc Cẩn tích cực tham gia Tuần lễ Vàng giúp Chính phủ Việt Minh giải quyết phần nào những khó khăn về tài chính. Giám mục Hồ Ngọc Cẩn đã có lời phát biểu khá xúc động: "Tôi xin có mấy nhờ thay mặt cả hàng giáo sĩ cảm ơn Ủy ban đã có lòng mời chúng tôi đến dự Tuần lễ Vàng này. Thật như mấy bài diễn văn chúng tôi ai

nấy vừa mới nghe, ai là người có vàng thì lúc này không nên ẩn giấu, phải đưa ra để chung nhau đắp nền độc lập cho Tổ quốc, ấy là phải lắm rồi... Phần tôi, khi thụ Giám mục có một Dâng biểu cho tôi thánh giá này và dây đeo thực là vàng. Nhưng tôi nghĩ người đời trên có giới che, dưới có đất chở: trên phải phụng tu Thiên Chúa, dưới cũng không quên Tổ quốc. Vậy trong lúc này tôi cũng vui lòng chia của quý này làm hai: thánh giá tôi giữ lấy để phụng tu Thiên Chúa, dây đeo tôi xin dùng để phụng tu quốc gia"⁽⁷⁾. Nhiều linh mục Việt Nam đang theo học ở Pháp cũng không thờ ơ trước những biến cố trọng đại của lịch sử dân tộc lúc đó. 21 linh mục Việt Nam đang học tại Pháp tập trung lại ở Paris cùng thảo chung một văn bản bày tỏ quan điểm của mình: "Tất cả 21 linh mục Việt Nam đang sống ở Pháp tập trung ngày 4 và 5 tháng 1 năm 1946 ở Paris, nhân sự kiện này cầu

4. Cần nhấn mạnh rằng, các thừa sai dòng Dominican (Đa Minh) Tây Ban Nha lúc đầu ủng hộ nền độc lập của Việt Nam. Họ chỉ thay đổi lập trường này sau khi chịu sức ép của các Giám mục Pháp, đứng đầu là Khâm sứ Drapier và nhất là sau khi họ thấy Chính phủ Hồ Chí Minh là Chính phủ cộng sản.

5. Trích theo: Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và lưỡi gươm*, Thành phố Hồ Chí Minh, 1990, tr. 59.

6. Bức điện văn của bốn Giám mục Việt Nam gửi Giáo hội và hai nước Anh, Mỹ do Giám mục Nguyễn Bá Tông kí, không ghi ngày tháng. Căn cứ vào nội dung, có thể nó được viết vào tháng 10-1945, dịp Lễ tấn phong Giám mục Lê Hữu Từ tại Phát Diệm ngày 28-10-1945. Mặt thám Pháp cho rằng đây là tài liệu giả vì Giám mục Ngô Đình Thục lúc đó ở Vĩnh Long. Xem Trần Thị Liên, tài liệu đã dẫn, tr. 48 và Hương Khê, tài liệu đã dẫn, tr. 6. Tuy nhiên, điều này không ảnh hưởng nhiều đến giá trị của bức điện vì hai Giám mục Nguyễn Bá Tông và Hồ Ngọc Cẩn tham dự Lễ tấn phong ở Phát Diệm. Sau Lễ tấn phong, cả ba Giám mục đều dự Lễ thành lập Công giáo Cứu quốc.

7. Bán nguyệt san Đa Minh, số 149, ngày 1-10-1945. Trích theo Hương Khê. Tài liệu đã dẫn, tr. 17.

nguyện vì đất nước đau thương của mình... Trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay, họ tự cảm thấy có bổn phận phải kiến nghị tới các Giám mục Việt Nam tích cực ủng hộ nền độc lập hợp hiến của dân tộc phù hợp với ý Chúa và lòng dân"⁽⁸⁾. Đúng như một tác giả khẳng định: "Trong những ngày đó người Công giáo nhận thấy rằng họ có thể không cần đến sự che chở của ngoại bang và họ không ngần ngại ủng hộ chính quyền mới. Có cả nhiều giáo dân theo Việt Minh ngay từ những ngày đầu và đấu tranh không chỉ vì nền độc lập dân tộc mà còn tích cực tham gia sự nghiệp xây dựng một xã hội hiện đại từ một đất nước nông nghiệp lạc hậu"⁽⁹⁾.

Tóm lại, ở thời điểm mùa thu năm 1945, sự ủng hộ của người Công giáo Việt Nam đối với nền độc lập dân tộc và Chính phủ Việt Minh là điều không thể phủ nhận. Có ít nhất 3 lí do để khẳng định điều đó:

Thứ nhất, đa số người Việt Nam, không phụ thuộc vào tôn giáo của họ, đều căm thù sự thống trị của ngoại bang. Họ sẵn sàng theo một tôn giáo hay một triết thuyết được du nhập từ bên ngoài, nhưng lại không muốn có sự chiếm đóng của ngoại bang trên đất nước mình. Chủ nghĩa yêu nước của người Việt gắn liền với tục thờ cúng Tổ Tiên và lòng trung quân của Nho giáo, được hình thành, củng cố trong suốt tiến trình lịch sử chống lại sự đô hộ của giặc phương Bắc, thực dân Pháp... bảo vệ nền độc lập của nước nhà. Nó luôn là một thành tố hữu cơ của cộng đồng người Việt, giúp họ không bị đồng hoá bởi ngoại bang. Tinh thần yêu nước đó được hình thành từ hàng nghìn năm, trước khi đạo Công giáo được

du nhập vào Việt Nam. Bản thân sự truyền bá Phúc âm Kitô giáo không làm cản trở tình yêu của người Việt đối với Tổ quốc của họ. Thiên Chúa và Tổ quốc hiển nhiên là hai điều thiêng liêng nhất của người Kitô hữu. Họ chỉ buộc phải lựa chọn giữa Thiên Chúa và Tổ quốc bởi chính sách cấm đạo của nhà Nguyễn và dưới thời thuộc địa. Bất chấp sự trừng phạt của bề trên, nhiều giáo dân vẫn tích cực tham gia chống Pháp. "Đánh bại Pháp và giành độc lập, không kể một vài trường hợp ngoại lệ, là mục tiêu mà người Việt Nam nào cũng tán thành. Kể cả những người không hợp tác với Việt Minh cũng không phải là không muốn điều đó"⁽¹⁰⁾. Một tác giả khác khẳng định: "Dân chúng Việt Nam thực sự không bao giờ chấp nhận sự cai trị thuộc địa. Điều đó được minh chứng bởi sự xuất hiện của bao cuộc khởi nghĩa và bạo động ngày càng nhiều chống lại chế độ thuộc địa. Các nhà dân tộc quốc gia chỉ phải thực hiện vấn đề làm thế nào để biến nguyện vọng chống chế độ thực dân của đông đảo

8. Văn bản này do linh mục Cao Văn Luận kí tên thay mặt các linh mục Việt Nam tại Paris. Trích theo Ghedo Piero. *Catholici e Buddisti Nel Vietnam* (Người công giáo và người Phật tử ở Việt Nam), bản dịch tiếng Đức từ nguyên bản tiếng Italia, Munich, 1968, tr. 28-29. Chúng tôi hiện chưa sưu tầm được nguyên bản của tài liệu này. Linh mục Cao Văn Luận sau này thay đổi lập trường chính trị, là một trong những người tích cực ủng hộ chính quyền Diệm. Trong hồi kí của linh mục Cao Văn Luận (*Bên giòng lịch sử*, Sài Gòn, 1972) không thấy nhắc đến văn bản này.

9. Bensberger Kreis (chủ biên). *Die Christen und der Krieg in Vietnam* (Người Cơ đốc và chiến tranh ở Việt Nam). Sổ ghi nhớ của Người công giáo Đức, Mainz, 1969, tr. 57.

10. *Buttinger Josep, The miracle of Vietnam* (Phép huyền diệu của Việt Nam), trong: Lincolm Richard W. *Vietnam. The first five years* (Việt Nam. Năm năm đầu tiên), Michigan, 1959, tr. 11.

dân chúng đó thành một hoạt động chính trị có hiệu quả"⁽¹¹⁾.

Thứ hai, đó là sự phân biệt đối xử của các thừa sai Pháp đối với các linh mục và giáo dân Việt Nam. Tình trạng này kéo dài nhiều thế kỉ. Ngay từ thế kỉ XVII, giữa các thừa sai dòng Tên (Jésuites) và các giáo sĩ Hội thừa sai Paris đã tranh cãi xung quanh việc có nên phong chức linh mục cho người bản xứ hay không. Các thừa sai dòng Tên cho rằng trình độ hiểu biết về thần học và tiếng Latinh của giáo dân Việt Nam quá thấp, do vậy, họ trì hoãn việc phong linh mục cho người bản xứ. Ngược lại, Giám mục Lambert de la Motte tìm mọi cách để cải thiện tình hình bằng cách cử người sang chủng viện Ayuthia để học. Pigneau de Behaine (Bá Đa Lộc) lại không muốn phong linh mục nhiều cho người bản xứ vì không tin cậy tính cách của họ. Trong đời sống hàng ngày, các linh mục bản xứ thường bị phân biệt đối xử bởi họ không có điều kiện hiểu biết giáo lí như các thừa sai Châu Âu. Do phần lớn xuất thân từ nông dân nghèo khổ, các chủng sinh Việt Nam đã phải học tập vất vả hơn rất nhiều so với những người đồng môn người Âu. Chương trình giáo dục thần học Kitô và nền tảng văn hoá Châu Âu khác xa với các phong tục truyền thống Việt Nam, v.v..

Vì những bất lợi trên nên các linh mục bản xứ thường bị các thừa sai Châu Âu phân biệt đối xử. Đó cũng là một trong những lí do khiến cho các thừa sai Châu Âu trì hoãn việc phong Giám mục cho người bản xứ ở Việt Nam, cũng như ở Ấn Độ và Trung Hoa. Nhiều thừa sai Châu Âu thường hơi ngạo mạn rằng họ có trình độ học thức cao hơn, am hiểu giáo lí và tiếng Latinh hơn các linh mục bản xứ.

Các linh mục và giáo dân Việt Nam không được Bê trên khuyến khích mặc những bộ trang phục truyền thống. Họ được khuyến khích đọc các tác phẩm của Rousseau, Montesquieu, v.v... nhưng lại bị hạn chế đọc truyện Kiều và các tác phẩm văn học Việt Nam. Hội nghị tôn giáo Bắc Kỳ năm 1880 quy định chẳng hạn: "Các linh mục Châu Âu được ưu tiên hơn so với các linh mục bản xứ vì họ chịu chức từ Roma, còn các linh mục Annam thì chịu chức từ Giám mục địa phận mình"⁽¹²⁾. Trong cách xưng hô, người Việt Nam gọi người cao tuổi là "cụ", nhưng lại gọi các thừa sai Châu Âu là "cố Tây". Từ "cố" trong cách xưng hô của người Việt ít dùng hơn, nhưng ở một thứ bậc cao hơn từ "cụ". Điều này được quy định trong nhiều văn bản của giáo hội. Ở các nhà thương do giáo hội tạo dựng, các nữ tu người Âu lĩnh lương tháng 75 đồng, còn các nữ tu bản xứ chỉ được 30 đồng⁽¹³⁾. Người ta thường chứng kiến cảnh một linh mục Annam tóc bạc quỳ lạy và hôn chân một thầy giảng còn trẻ măng, đơn giản bởi vị này là người Âu.

Tình trạng "phân biệt chủng tộc", hay như linh mục Trần Tam Tỉnh gọi là chủ nghĩa phong kiến trong đạo, càng thể hiện rõ trong thời thuộc địa. Ở các buổi cầu nguyện, người ta đặt sẵn những hàng ghế đầu trong nhà thờ cho các "cố Tây", bất kể chức vị tôn giáo của họ cao thấp khác nhau. Các hội nghị Giám mục năm

11. Hammer Ellen J. *Nationalism vs. Colonialism and Communism* (Chủ nghĩa dân tộc đối mặt với chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa cộng sản) trong: Lincoln Richard W. Tài liệu đã dẫn, tr. 7.

12. Metzler Josef. *Die Synoden in Indochina 1625-1934* (Các Hội nghị tôn giáo ở Đông Dương 1623-1934), Paderborn, 1984, tr. 183.

13. Xem: Trần Tam Tỉnh. Sđd, tr.49.

1923 ở Phát Diệm và Sài Gòn quy định "không phải vì phân biệt đối xử mà vì khẩu vị ăn uống khác nhau nên các thừa sai Châu Âu được bố trí ngồi ăn riêng với các linh mục Annam"⁽¹⁴⁾. Dù điều này không phải hoàn toàn vô lí, nhưng nhiều người Việt Nam vốn nặng quan niệm "ăn trông nôi, ngồi trông hướng" dễ sinh ra mặc cảm. Quá đáng hơn, nhiều thừa sai còn lạm dụng các nhà chức trách của chính quyền thuộc địa để gây thêm thanh thế cho mình. "Phải nói rằng các cố thừa sai, do màu da và chiếc áo chùng thâm của họ, họ đứng ở vị trí rất cao trên chiếc thang xã hội. Người ta phải cung kính họ ngang với các quan đầu tỉnh. Và nhiều ông đã lợi dụng vị trí của họ như thế để cai quản theo kiểu bạo chúa. Một vài thí dụ, cố Antôn đi qua một làng lương, trên người mang áo chùng thâm và áo các phép. Một số thiếu niên người lương thấy cố ăn mặc kì cục thì cười diễu, có vài đứa trẻ dám chửi rửa cố. Trở về nhà, cố tức giận, tập hợp giáo dân lại, ra lệnh cho họ đi ruồng qua làng lương kia... đánh đập tất cả những người họ bắt gặp ngoài đường... Các cụ bô lão trong làng lương bèn gửi khiếu nại lên huyện, và thật ngỡ ngàng khi thấy quan huyện bắt họ phải mua lễ vật... đến sấp mình lạy trước mặt cố, xin tha thứ cho những gì đã xúc phạm đến cố"⁽¹⁵⁾. Mọi quan hệ giữa Giáo hội Việt Nam và Tòa Thánh đều thông qua những người đứng đầu Giáo hội, tức các thừa sai Châu Âu. "Cần ghi nhận rằng, hồi 1930, số các thừa sai chỉ là 20% trong hàng giáo sĩ tại Việt Nam, nhưng họ chiếm giữ toàn bộ các chức vụ quan trọng như: giám mục, tổng quản, hạt trưởng, giám đốc chủng viện, bề trên hội đồng, chánh xứ ở thành thị. Trong hầu

hết các địa phận, linh mục người Việt không được ngồi cùng bàn với ông cố Tây, càng không được ăn cơm chung với cố"⁽¹⁶⁾.

Vì vậy, thông điệp Maximum ilud. 1919 của Giáo hoàng Benedict XV là một cơ hội tốt cho các linh mục và giáo dân bản xứ trong việc thoát khỏi tình trạng bị phân biệt đối xử như trên. Nguyễn Hữu Bài, một thầy giảng và là Thượng thư Bộ Công trong triều đình Huế, năm 1922 đã không tham khảo ý kiến của các thừa sai, gửi kiến nghị trực tiếp tới Giáo hoàng Piô XI với ba đề nghị cụ thể: 1) Bình đẳng về phẩm trật của Giáo hội Việt Nam với các giáo hội Âu Châu; 2) Chương trình đào tạo thần học của các linh mục Annam và Châu Âu phải ngang nhau; 3) Các linh mục bản xứ cần được quyền tham gia bầu chọn giám mục địa phận mình. Tương tự như vậy, tháng 9-1945 bốn giám mục Việt Nam đã không tham khảo ý kiến bề trên của mình, kể cả Khâm sứ Drapier trong bức thư chung gửi Giáo hoàng Piô XII.

Thứ ba, và có lẽ đây là lí do quan trọng nhất, Việt Minh tập hợp được đại đa số các đảng phái và lực lượng chính trị trong nước lúc đó trong việc giành chính quyền. Trong thành phần của Việt Minh không chỉ có những người cộng sản, mà còn nhiều người thuộc các tổ chức phi cộng sản khác. Nhiều thành viên trong Chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải là cộng sản như Nguyễn Tường Tam (Quốc Dân Đảng) - Bộ trưởng bộ Ngoại giao; Nguyễn Mạnh Hà (Công giáo) - Bộ trưởng bộ Kinh tế; Huỳnh Thúc Kháng, người được Chủ tịch Hồ Chí Minh uỷ quyền điều hành Chính phủ khi Người

14. Metzler Josef. Tài liệu đã dẫn, tr. 309.

15. Trần Tam Tĩnh. Sđd, tr. 51.

16. Trần Tam Tĩnh. Sđd, tr. 52.

đi Pháp; Ngô Tử Hạ, một người Công giáo, là Chủ tịch Quốc hội đầu tiên của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ở thời điểm những tháng đầu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trẻ tuổi, nhiều giáo dân còn biết ít về lãnh tụ Hồ Chí Minh. Nhiều người chỉ có một ấn tượng mơ hồ rằng Nguyễn Ái Quốc là người cộng sản đã từng hoạt động ở Liên Xô và không biết rằng chính Nguyễn Ái Quốc là Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này. Cần nhấn mạnh rằng, trong thời kì Giáo hoàng Piô XI (1922-1939) và đặc biệt trong thời kì Giáo hoàng Piô XII (1939-1958), chủ nghĩa chống cộng được coi là một tín điều của Giáo hội. Từ cuối những năm 1920 và đặc biệt trong những năm 1930, Giáo hội Việt Nam đã coi việc truyền bá chủ nghĩa cộng sản vào Việt Nam như một hiểm hoạ cho sự phát triển xã hội. Một số sách báo của Giáo hội coi chủ nghĩa cộng sản là kẻ thù không đội trời chung của các tôn giáo, trong khi những nhà mác xít đầu tiên ở Việt Nam chưa có điều kiện để nghiên cứu các tác phẩm của Mác và Lênin về tôn giáo một cách thấu đáo⁽¹⁸⁾. Mặc dù báo chí Công giáo lúc đó chủ yếu nằm trong tay các thừa sai Châu Âu, nhưng điều đó có tác động rất lớn đối với lập trường chính trị của hàng giáo phẩm và giáo dân Việt Nam. Chỉ đến thời Giáo hoàng Gioan XXIII (1959-1963) Toà Thánh mới duy trì đối thoại với cộng sản. Giáo hoàng Paul VI (1963-1978) nỗ lực thực hiện đường lối tích cực này, không tán thành sự leo thang chiến tranh của Mỹ và kêu gọi các bên tìm giải pháp hoà bình nhằm chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

Do vậy, việc Việt Minh tập hợp được đông đảo các lực lượng chính trị trong

nước trong việc giành độc lập dân tộc, "chính điều này chứ không phải là thủ thuật cộng sản hoặc sự ngây thơ chính trị là bí quyết mà Việt Minh có được sự ủng hộ của dân chúng. Đó là lí do tại sao Bảo Đại đồng ý làm "cố vấn" (tối cao- NQH) cho chính quyền mới, tại sao một số người giàu có tham gia Việt Minh, tại sao một lãnh tụ Công giáo trở thành Bộ trưởng Kinh tế đầu tiên của Hồ Chí Minh, tại sao nhiều linh mục tích cực ủng hộ chính phủ và tại sao bốn giám mục Việt Nam kêu gọi người Kitô khắp thế giới ủng hộ đất nước mình"⁽¹⁹⁾.

Đáng tiếc rằng, vì nhiều lí do, sự ủng hộ của các giám mục Việt Nam đối với Chính phủ Việt Minh không được lâu. Về phía Việt Minh, có những cán bộ mắc sai lầm trong chính sách đối với các tôn giáo. Về phía người Công giáo, từ chỗ làm cố vấn tối cao trong Chính phủ Hồ Chí Minh và có lập trường chống Pháp, Giám mục Lê Hữu Từ quay sang chống Chính phủ Việt Minh khi biết rằng chính phủ này là cộng sản. Nhiều linh mục và giáo dân có mặc cảm về chủ nghĩa cộng sản đã không nhận thấy rằng ở Việt Nam, một xã hội Đông Nam Á chịu nhiều ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa, mối quan hệ giữa cộng sản và tôn giáo có những bản sắc riêng, khác với nhiều nước cộng sản Châu Âu và Liên Xô (cũ). Tuy nhiên, đây là một chủ đề lớn vượt ra khỏi phạm vi bài viết này./.

18. Xin xem thêm: David G. Marr. *Vietnamese Tradition on Trial, 1920-1945* (Truyền thống Việt Nam trước sự thử thách, 1920-1945), Berkeley/ Los Angeles/ London, 1981, tr. 82-88.

19. Buttinger Joseph. *Vietnam. A political history*, (Lịch sử chính trị Việt Nam), New York/ Washington, 1968, tr. 232.